

Số: 3837 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chính trang và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Báo cáo Tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 15-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X về Chương trình chính trang và phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Báo cáo số 226-CV/BCSD ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình hành động Chính trang và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình 9416/TTr-SXD-PTĐT ngày 12 tháng 10 năm 2021, về Kế hoạch triển khai thực hiện Chính trang và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chính trang và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện có hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan

chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (HN và Tp HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Các Đoàn thể thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Trung tâm Công báo;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: (ĐT/PTHi). 32 .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hòa Bình



## KẾ HOẠCH

**Tổ chức thực hiện Chính trang và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3837~~/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021)

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

1.1. Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025, các vấn đề cần tập trung thực hiện, các đầu việc, giải pháp, lộ trình cụ thể của từng đơn vị gắn với phân công trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

1.2. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện nhằm tạo sự đồng bộ và hiệu quả trong các hoạt động, triển khai thực hiện chính trang đô thị và phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố

#### 2. Yêu cầu

2.1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này phải nêu cao tinh thần chủ động, quyết liệt, khẩn trương chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp, nắm sát tình hình, kịp thời đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp khả thi để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

### II. MỤC TIÊU CHUNG

#### 1. Di dời và tổ chức lại cuộc sống cho người dân đang sống trên và ven kênh, rạch

Hoàn thành bồi thường, di dời **6.500** căn, tổng vốn đầu tư dự kiến **19.280** tỷ đồng, tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa giải quyết nhu cầu thoát nước, cải thiện môi trường, vừa di dời nhà trên và ven kênh rạch để chỉnh trang đô thị; Các dự án di dời nhà trên và ven kênh rạch đã triển khai các bước chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư các dự án còn lại, cụ thể gồm:

##### 1.1. Dự án vốn ngân sách (Phụ lục 2)

\* **Nhóm 1:** Di dời **3.220** căn, tổng vốn đầu tư dự kiến **12.530** tỷ đồng.

Gồm 03 dự án giải quyết nhu cầu thoát nước, cải thiện môi trường có kết hợp di dời nhà trên và ven kênh rạch để chỉnh trang đô thị, gồm:

- Dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) qua địa bàn quận Bình Thạnh, Gò

Vấp, tổng mức đầu tư dự kiến 9.350 tỷ, trong đó chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 4.860 tỷ đồng, quy mô di dời 2.196 căn;

- Dự án Cải tạo kênh Hy Vọng quận Tân Bình, giải quyết tiêu thoát nước mưa, giảm ngập úng cho khu vực cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, tổng mức đầu tư dự kiến 1.980 tỷ, trong đó chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1.596 tỷ đồng, quy mô di dời 190 căn;

- Dự án Nạo vét, cải tạo rạch Văn Thánh, quận Bình Thạnh, tổng mức đầu tư dự kiến 1.200 tỷ đồng, quy mô di dời 834 căn.

\* **Nhóm 2:** Di dời **3.250** căn, tổng vốn đầu tư dự kiến **5.543** tỷ đồng.

Gồm 14 dự án di dời nhà trên và ven kênh rạch đã triển khai xong các bước chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 (08 dự án <sup>(1)</sup> đã phê duyệt chủ trương đầu tư công; 06 dự án <sup>(2)</sup> đã phê duyệt dự án bồi thường).

\* **Nhóm 3:** Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư 30 dự án còn lại (xác định ranh dự án, điều tra khảo sát, lập đề xuất trình phê duyệt chủ trương đầu tư công, phê duyệt dự án bồi thường...): quy mô **7.282** căn, tổng vốn đầu tư dự kiến **10.362** tỷ đồng.

**1.2. Dự án vốn ngoài ngân sách:** tập trung hoàn tất các thủ tục chuẩn bị để sớm tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án (06 dự án <sup>(3)</sup>, 6.630 căn); trong đó trọng tâm là dự án bờ Nam kênh Đôi (5.055 căn).

**2. Cải tạo, sửa chữa hoặc tháo dỡ, đầu tư xây dựng mới thay thế chung cư cũ (Phụ lục 3)**

- Hoàn tất việc đầu tư xây dựng mới 6 chung cư cấp D <sup>(4)</sup> đã thực hiện di dời, tháo dỡ trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Hoàn tất việc di dời, tháo dỡ đối với 8 chung cư cấp D <sup>(5)</sup> chưa thực hiện di dời hoặc di dời dở dang trong giai đoạn 2016 - 2020.

<sup>(1)</sup> 08 dự án: Mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và Công viên cây xanh bờ Kênh Tè GD3, Q4; Công viên hồ Khánh Hội GD4, Q4; Kênh Hàng Bàng - GD3, Q.6; Rạch nhánh Cầu Sơn Q.Bình Thạnh; Mương Nhật Bản Q.Tân Bình; Kênh A41 Q.Tân Bình; Rạch Bà Tiếng Q.Bình Tân; Cổng hợp kênh Liên xã, Q.Bình Tân

<sup>(2)</sup> 06 dự án: Chống sạt lở bán đảo Thanh Đa, đoạn 3, Q.Bình Thạnh; Tham lương - Bến Cát - rạch Nước Lên GD2, Q.12; Cổng ngăn triều Vàm Thuật, Q.12; Tham lương - Bến Cát - rạch Nước Lên GD2 Q.Gò Vấp; Cổng điều tiết kết hợp âu thuyền Rạch Nước Lên, Q.Bình Tân; Rạch Ông Búp, Q.Bình Tân

<sup>(3)</sup> 06 dự án gồm: Dự án bờ Nam kênh Đôi, Quận 8 để thực hiện chỉnh trang đô thị; Dự án chỉnh trang đô thị rạch Song Tân, Q.7; Dự án chỉnh trang đô thị rạch Bần Đôn, Q.7; Khu nhà ở cao tầng dọc rạch Hiệp Ân tại Phường 5, Q.8; Khu công viên văn hóa - du lịch - thể thao phía Nam đường Tạ Quang Bửu, P.4, Q.8; Khu Trung tâm thương mại, công viên phía Bắc đường Tạ Quang Bửu, P.4, Q.8

<sup>(4)</sup> 06 chung cư: Chung cư 128 Hai Bà Trưng (94 hộ), chung cư 23 Lý Tự Trọng, Q.1 (81 hộ); chung cư 6Bis Nguyễn Tất Thành, Q.4 (26 hộ); chung cư 40/1 Tân Phước (78 hộ), chung cư 47 Long Hưng (30 hộ) và chung cư 170 - 171 Tân Châu, Q.Tân Bình (24 hộ).

<sup>(5)</sup> 08 chung cư: Chung cư 11 Võ Văn Tần, Quận 3 (18/19 hộ); chung cư 119B Tân Hòa Đông, Q.6 (68/80 hộ); chung cư 155 - 157 Bùi Viện, Q.1 (86/100 hộ); chung cư Trúc Giang (120/123 hộ), chung cư Vĩnh Hội (lô A, B, C), Q.4 (11/244 hộ); chung cư 440 Trần Hưng Đạo, Q.5 (21 hộ); chung cư 137 Lý Thường Kiệt và chung cư 149 - 151 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình (55 hộ)



- Hoàn tất việc cải tạo, sửa chữa 246 chung cư cấp B, C (66 cấp C; 180 cấp B) còn lại của giai đoạn 2016 - 2020, tổng vốn đầu tư dự kiến 500 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách.

### **3. Nâng cấp, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu**

Tiếp tục chỉnh trang đô thị thông qua đầu tư cải thiện các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đầu tư xây dựng đồng bộ tuyến đường, hẻm gồm nâng cấp hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa và nước thải, đèn chiếu sáng công cộng cho hẻm, trụ cứu hỏa, phòng cháy chữa cháy, thu gom rác thải. Nâng cấp các khu dân cư lụp xụp, các khu dân cư thu nhập thấp theo các dự án nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, cải thiện vệ sinh môi trường.

### **4. Xây dựng, phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, văn minh, hiện đại**

Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển và xây dựng đồng bộ Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm, Khu đô thị mới Nam Thành phố theo đúng quy hoạch. Hoàn thành lựa chọn chủ đầu tư: Khu đô thị Hiệp Phước, Khu đô thị Bình Quới - Thanh Đa, các dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Tây Bắc.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư để tiến hành đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện chỉnh trang và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo tại Kế hoạch này, giao Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Trưởng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, Trưởng Ban Quản lý đầu tư xây dựng các Khu đô thị mới (Thủ Thiêm, Nam Thành phố, Tây Bắc)... chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời tiếp tục thực hiện 48 nhiệm vụ trọng tâm thuộc 09 nhóm giải pháp nhằm xây dựng chính sách chung thu hút các nguồn lực chỉnh trang và phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Quyết định số 5928/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 15-CTrHĐ/TU ngày 27/10/2016 của Thành ủy về Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị, giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể:

### **1. Sở Xây dựng**

Là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các sở ngành, phố Thủ Đức và các quận - huyện; tổ chức thành lập Tổ công tác liên ngành định kỳ kiểm tra tiến độ triển khai tại địa phương theo đúng mục tiêu thực hiện từ nay đến năm 2025.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện; Ban quản lý đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị:

1.1. Tổng hợp báo cáo định kỳ những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết và đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

1.2. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất các giải pháp thực hiện về Di dời và tổ chức lại cuộc sống cho người dân đang sống trên và ven kênh, rạch và Cải tạo, sửa chữa hoặc xây dựng mới thay thế chung cư cũ.

1.3. Thúc đẩy thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố, đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho người dân. Tiếp tục công tác cải cách thủ tục hành chính trong công tác cấp giấy phép xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng nhà ở.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

2.1. Xem xét khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch đầu tư công, đảm bảo nguồn vốn **19.280** tỷ đồng (trong đó 12.530 tỷ đồng thuộc 03 dự án chống ngập), thực hiện mục tiêu kép vừa chống ngập, vừa di dời **6.400** căn nhà trên và ven kênh rạch để chỉnh trang đô thị và **500** tỷ để cải tạo, sửa chữa các chung cư được xây dựng trước năm 1975. Đảm bảo cân đối nguồn vốn ngân sách để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, chi trả bồi thường; giải ngân đúng tiến độ thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố.

2.2. Chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân Quận 4, 7, 8 và các Sở ngành liên quan hoàn thành các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư 06 dự án chỉnh trang đô thị - di dời nhà trên và ven kênh rạch sử dụng vốn ngoài ngân sách.

## **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

3.1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự án bồi thường; trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để có cơ sở triển khai nhanh các dự án di dời nhà trên và ven kênh rạch.

3.2. Chủ trì, phối hợp cùng các sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về giải pháp tách dự án bồi thường (dự án nhóm A) để thực hiện độc lập đối với các dự án di dời và tái định cư nhà trên và ven kênh rạch để tạo quỹ đất đầu giá thu nộp cho ngân sách.

## **4. Sở Quy hoạch Kiến trúc**

Chủ trì, phối hợp các sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện triển khai xây dựng giải pháp về:

4.1. Rà soát quy hoạch chung 1/5.000, quy hoạch phân khu 1/2.000 tại hành phố Thủ Đức và các quận - huyện để đánh giá, xem xét điều chỉnh tăng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đối với các dự án chỉnh trang đô thị, thuộc khu vực thực hiện cải tạo xây dựng mới chung cư cũ (danh mục 14 chung cư cũ cấp D).

4.2. Tăng hiệu quả khai thác quỹ đất dọc hành lang sông kênh rạch để thu hút nhà đầu tư đối với 06 dự án ngoài ngân sách, gắn với Đề án phát triển bờ sông và kinh tế dịch vụ ven sông giai đoạn 2020 - 2045 và Kế hoạch triển khai giai đoạn 2020 - 2025 thuộc Chương trình đột phá phát triển hạ tầng thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

4.3. Lập Quy hoạch tổng thể bờ sông, kênh nội thành trên cơ sở đồng bộ các quy hoạch ngành, lĩnh vực (quy hoạch thủy lợi, giao thông, du lịch, quy hoạch đô thị...),

nhằm bảo đảm thống nhất về tổ chức và quản lý không gian cảnh quan trên toàn bộ tuyến sông, kênh rạch.

### **5. Ban Quản lý đầu tư xây dựng các Khu đô thị mới (Thủ Thiêm, Nam thành phố, Tây Bắc)**

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện liên quan khẩn trương, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình nhà ở, hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các thủ tục về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm, Khu đô thị mới Nam Thành phố, Khu đô thị Tây Bắc.

### **6. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị**

Phối hợp các Sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố các quận - huyện có liên quan đề tập trung hoàn thành 03 dự án giải quyết nhu cầu thoát nước, cải thiện môi trường có kết hợp di dời nhà trên và ven kênh rạch.

Tích cực chủ động thực hiện các dự án cải tạo, nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến sông kênh rạch, góp phần thực hiện công tác chống ngập và di dời nhà trên và ven kênh rạch - chỉnh trang đô thị.

### **7. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện**

7.1. Tổ chức thực hiện các công việc theo kế hoạch này. Trường hợp có vướng mắc, khó khăn báo cáo Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan giải quyết, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

7.2. Xây dựng kế hoạch phát triển các dự án tạo quỹ nhà ở xã hội trên từng địa bàn thành phố Thủ Đức và quận - huyện để phục vụ công tác tái định cư thông qua các hình thức: Rà soát các quỹ đất do quận - huyện trực tiếp quản lý để đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách; Tạo điều kiện khuyến khích các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội vốn ngoài ngân sách. Đảm bảo đủ nguồn nhà để bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân được bồi thường nhưng giá trị bồi thường không đủ để mua nhà ở thương mại hoặc các hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện bồi thường, không còn nơi ở nào khác.

7.3. Phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng khẩn trương hoàn tất việc xác định ranh mép bờ cao và hành lang bảo vệ tuyến kênh rạch; hoàn thành báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công, trình phê duyệt chủ trương đầu tư công. Hoàn tất các công tác chuẩn bị đầu tư, kịp trình phê duyệt dự án bồi thường để đảm bảo đủ điều kiện được ghi vốn khởi công mới trong kỳ giao kế hoạch vốn.

7.4. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến thủ tục đầu tư cải tạo, sửa chữa chung cư cũ, xây dựng chung cư mới thay thế chung cư cũ được xây dựng trước năm 1975 trên địa bàn thành phố, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định.

### **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể chính trị xã hội phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức vận động, tuyên truyền giải thích cho các hộ dân sống trong khu vực thực hiện dự án di dời nhà trên và ven kênh rạch; dự án cải tạo, sửa chữa hoặc xây dựng mới thay thế chung cư cũ



nhận thức và hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, đồng tình, ủng hộ trong việc chỉnh trang đô thị.

9. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, Sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có liên quan chủ động phối hợp Sở Xây dựng tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.



**Phụ lục 1A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ  
VEN KÊNH RẠCH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH  
(VỀ CÁC DỰ ÁN CHƯA XÁC ĐỊNH ĐƯỢC RANH THỰC HIỆN)**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
<b>21</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7,995</b>	
1	Dự án Chinh trang rạch Cầu Dừa, Q.4	Chưa xác định	160	UBND TP đã chấp thuận thực hiện dự án bằng nguồn vốn ngân sách (4766/UBND-DA ngày 16/11/2019)
2	BT GPMB Rạch Cà Cắm, Quận 7	UBND Q7 ban hành Quyết định 1962/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 giao Ban Quản lý ĐTXD công trình Q7 làm CĐT	270	- Q.7 đã ứng kinh phí thực hiện công tác khảo sát sơ bộ. Hiện Q.7 đang phối hợp với các sở ngành rà soát, xác định ranh, mép bờ cao và hành lang bảo vệ kênh rạch để xác định ranh thực hiện dự án
3	BT GPMB Sông Phú Xuân, Quận 7		217	
4	BT GPMB Rạch Thầy Tiêu, Quận 7		35	
5	BT GPMB Rạch Ông Lớn, Quận 7		273	
6	BT GPMB Rạch Tam Đệ, Quận 7		104	
7	Rạch Bàng, Quận 7		73	
8	Rạch Ông Tư Dinh, Quận 7		7	
9	BT GPMB Rạch Bồ Đề, Quận 8		Chưa xác định	
10	BT GPMB Rạch Du - Ông Lớn - Ông Nhỏ - Kênh Xáng, Quận 8	1,980		
11	BT GPMB Bờ Tây Rạch Xóm Cùi, Q.8	118		
12	BT GPMB Rạch Bà Tăng, Quận 8	224		
13	BT GPMB Sông Cần Giuộc, Quận 8	97		
14	BT GPMB Rạch Nhụy, Quận 8	692		
15	BT GPMB Rạch Bà Cà, Quận 8	160		
16	BT GPMB để thực hiện dự án Cải tạo rạch Xuyên Tâm, Q.Gò Vấp	Ban BT GPMB Q.Gò Vấp	61	Hiện Sở GTVT đang hoàn chỉnh ranh thực hiện DA
17	BT GPMB để thực hiện dự án Cải tạo rạch Xuyên Tâm, Q.Bình Thạnh	Ban BT GPMB Q.Bình Thạnh	2,135	- Đ/c Bí thư Thành ủy đã thống nhất chủ trương giao Q.Bình Thạnh sử dụng quỹ nhà TĐC hiện có của Quận để thực hiện trước công tác BTGPMB. - Hiện Sở GTVT đang hoàn chỉnh ranh thực hiện DA
18	BT GPMB để thực hiện dự án Cải tạo Rạch Văn Thánh, Q.Bình Thạnh	Ban BT GPMB Q.Bình Thạnh	834	
19	BT GPMB Rạch nhánh kênh Thanh Đa, Q.Bình Thạnh	Chưa xác định	81	
20	BT GPMB để xây dựng Kênh Hy Vọng, Q.Tân Bình	TT Điều hành CT chống ngập nước	190	- DA thuộc các DA quản lý rủi ro ngập nước, sử dụng vốn ODA. Hiện nay WB ngưng tài trợ vốn nên DA chưa xác định nguồn vốn thực hiện dự án; - Trung tâm chống ngập chưa bàn giao ranh thực hiện DA

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
21	Cải tạo kênh Tân Trụ, Q. Tân Bình	Ban Bồi Thường GPMB Q. Tân Bình	164	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là DA giải quyết thoát nước, chống ngập cho Cảng hàng không Tân Sơn Nhất.</li> <li>- Trung tâm chống ngập đang trình Sở TN&amp;MT duyệt ranh chiếm dụng công trình của DA bồi thường.</li> </ul>

**Phụ lục 1B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ  
VEN KÊNH RẠCH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH  
(VỀ CÁC DỰ ÁN ĐÃ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC RANH THỰC HIỆN)**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
<b>13</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,507</b>	
1	BTGPMB và TĐC phục vụ dự án Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực P.12, Q.Phú Nhuận và P.14, Q.3 (kênh Bao Ngạn) trên địa bàn Q.3	Ban Bồi thường GPMB Q.3	86	DA đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, xác định giá T1; Qua khảo sát thực tế 2019, quy mô bị ảnh hưởng là giảm từ 89 căn thành 86 căn DA ảnh hưởng trên địa bàn 02 quận, thời gian xác định giá T1 kéo dài, tổng mức đầu tư tăng. Hiện nay, DA phải trình lại HĐNDTP điều chỉnh tổng mức đầu tư
2	BTGPMB và TĐC phục vụ dự án Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực P.12, Q.Phú Nhuận và P.14, Q.3 (kênh Bao Ngạn) trên địa bàn Q.Phú Nhuận	Ban Bồi thường GPMB Q.Phú Nhuận	48	DA đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, xác định giá T1; DA ảnh hưởng trên địa bàn 02 quận, thời gian xác định giá T1 kéo dài, tổng mức đầu tư tăng. Hiện nay, DA phải trình lại HĐNDTP điều chỉnh tổng mức đầu tư
3	BT GPMB kênh Hàng Bàng - GD2 (đoạn từ Ngô Nhân Tịnh đến kênh Vạn Tượng) trên địa bàn Q.5	Ban Bồi thường GPMB Q.5	128	TMĐT của DA tăng lên 509 tỷ đồng. Hiện UBND Q5 đang lập DA và trình cấp thẩm quyền điều chỉnh TMĐT.
4	BT GPMB để phục vụ dự án thoát nước rạch Bàu Trâu	Ban Bồi thường GPMB Q.6	311	- Q.6 đã trình Sở TN&MT thông qua hệ số điều chỉnh giá đất (3383/UBND-BBT ngày 05/12/2016). Tuy nhiên do DA kéo dài trên địa bàn 02 quận nên hệ số tính giá bồi thường phải được duyệt cùng lúc. Sở TNMT đã trình Hội đồng thẩm định giá đất thông qua hệ số đất tính bồi thường (7025/STNMT-KTĐ ngày 21/8/2019); - TMĐT của dự án tăng so với trước đây (khoảng 487 tỷ). Hiện Sở SKHĐT, STNMT đang xem xét trình HĐND TP điều chỉnh TMĐT
5	BT GPMB để phục vụ dự án thoát nước rạch Bàu Trâu, Q.Tân Phú	Ban Bồi thường GPMB Q.Tân Phú	33	- DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công, - DA ảnh hưởng trên địa bàn 02 quận, nên hệ số tính bồi thường phải được duyệt cùng lúc. Sở TNMT đã trình Hội đồng thẩm định giá đất thông qua hệ số đất tính bồi thường (7025/STNMT-KTĐ ngày 21/8/2019); - Tổng mức đầu tư dự kiến hiện nay tăng, phải trình lại HĐNDTP điều chỉnh TMĐT
6	BT GPMB và TĐC để xây dựng bờ kè Bắc kênh Đồi, Quận 8	Ban QLDA ĐTXD CT Quận 8	1,060	- DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công, Q.8 đã trình Sở TTNMT thẩm định dự án (2213/UBND-BBT ngày 08/8/2019) - Tổng mức đầu tư của dự án đã vượt so với tổng mức đầu tư được duyệt (tăng từ 500 tỷ đồng lên 1.666,35 tỷ đồng). Q.8 đang thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án tại chủ trương đầu tư công



Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
7	BT GPMB và TĐC dự án cải tạo rạch Nhảy - Ruột Ngựa, Q.8	Ban Bồi thường GPMB Q.8	203	- Q.8 trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự án (2146/UBND-BBT ngày 31/7/2019 ); - Tổng mức đầu tư của dự án đã vượt so với tổng mức đầu tư đã được duyệt (tăng từ 135 tỷ lên 306,5 tỷ). Q.8 đang thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án tại chủ trương đầu tư công
8	BT GPMB để phục vụ dự án Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Suối, Q.12	Ban QL DA Kênh Ba Bò	210	DA điều chỉnh tổng mức đầu tư, đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư công
9	BT GPMB Rạch Chín Xiêng, Q.Gò Vấp	TT Điều hành CT chống ngập nước	121	
10	BT GPMB Rạch Ông Tổng và nhánh 3 rạch Ông Tổng, Q.Gò Vấp		27	
11	BT GPMB Rạch Ông Bầu, Q.Gò Vấp		74	
12	BT GPMB Rạch Cầu Cụt, Q.Gò Vấp		51	
13	BT GPMB Rạch Bà Miêng, Q.Gò Vấp		155	

**Phụ lục 1C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ  
VEN KÊNH RẠCH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH  
(VỀ CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÔNG)**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
8	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,609</b>	
1	BT GPMB và TĐC để xây dựng mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và Công viên cây xanh bờ Kênh Tê (GD3), Q.4	Ban Quản lý dự án ĐTXD CT Quận 4	741	- DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công; - Q4 đang điều chỉnh chứng thư thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất theo Bảng giá đất 2020-2024. Sau khi hoàn tất Q4 sẽ trình Sở TNMT thông qua hệ số điều chỉnh giá đất tính BT
2	BT GPMB để XD công viên hồ Khánh Hội, GD4, Q4		683	- Hoàn tất công tác đo vẽ, kiểm đếm, - Q.4 Chuẩn bị trình Sở TNMT thẩm định Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường
3	BT GPMB Kênh Hàng Bàng - GD3 (đoạn từ đường Bình Tiên đến đường Phạm Đình Hồ) trên địa bàn Q.6	Ban Bồi thường GPMB Q.6	392	DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công
4	BT GPMB Rạch nhánh Cầu Sơn, Q.Bình Thạnh	Ban QLDA ĐTXD CT Q.Bình Thạnh	54	DA đã được thông qua chủ trương đầu tư công, chưa phê duyệt DA
5	BT GPMB để thực hiện dự án cải tạo tuyến mương Nhật Bản P.2, Q.Tân Bình	Ban Bồi thường GPMB Q.Tân Bình	90	- Q.Tân Bình trình giá Sở TNMT thẩm định giá T1; - Sở TNMT đề nghị bổ sung KHSDD và KH giao vốn 2019 Do đó hiện nay Q.Tân Bình đang điều chỉnh chứng thư thẩm định giá
6	BT GPMB để phục vụ dự án Cải tạo kênh A41, Q.Tân Bình		163	- Q.Tân Bình đã trình Sở TNMT phê duyệt giá T1; Sở TNMT đề nghị bổ sung KHSDD và Quyết định giao vốn đầu tư công 2019
7	Bồi thường GPMB để phục vụ dự án Cải tạo Rạch Bà Tiếng, quận Bình Tân	Ban Bồi thường GPMB quận Bình Tân	245	Q.Bình Tân đã có Kế hoạch thu hồi đất. DA đã được ghi vốn tại 5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 Ban Bồi thường đang hoàn chỉnh hồ sơ chứng thư thẩm định giá để trình Sở TNMT xem xét, báo cáo UBND TP phê duyệt.
8	Bồi thường GPMB để Lắp đặt cống hộp kênh Liên xã (đoạn từ An Dương Vương đến Mã Lò), quận Bình Tân	Ban Quản lý ĐTXD CT Q.Bình Tân	241	Đã được ghi vốn chuẩn bị đầu tư (5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019) liên quan đến việc lập, thẩm định Báo cáo Nghiên cứu khả thi; Q.Bình Tân đang hoàn tất báo cáo Nghiên cứu khả thi trình Sở KHĐT thẩm định

**Phụ lục 1D. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ  
VEN KÊNH RẠCH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH  
(VỀ CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT DỰ ÁN BỒI THƯỜNG)**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
<b>6</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>641</b>	
1	BT GPMB để phục vụ dự án chống sạt lở bán đảo Thanh Đa, đoạn 3, Q.Bình Thạnh	Ban QLDA ĐTXD CT Q.Bình Thạnh	81	Sở TNMT đã phê duyệt Dự án BT (1158/QĐ-STNMT-BTTĐC ngày 30/10/2019). Ước lũy kế thực hiện đến 2020 là 20
2	BT GPMB để phục vụ dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (GD2), Q.12	TT Điều hành CT chống ngập nước	110	DA đã có chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn ODA. Do ODA đã ngưng tài trợ vốn, chưa xác định nguồn vốn để thực hiện DA, nên chưa đề xuất ghi vốn. Ngoài ra, DA đang thực hiện đổi tên
3	BT GPMB để phục vụ dự án Công ngăn triều Vàm Thuật, Q.12	Ban Bồi thường GPMB Q.12	6	- Sở TNMT đã thông qua đơn giá đất T1 (12163/STNMT-KTĐ ngày 14/11/2016), Đang xây dựng Phương án Bồi thường; - Dự án tạm ngưng do không được bố trí vốn
4	BT GPMB để phục vụ dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (GD 2) Q.Gò Vấp	TT Điều hành CT chống ngập nước	44	DA đã có chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn ODA. Do ODA đã ngưng tài trợ vốn, chưa xác định nguồn vốn để thực hiện DA, nên chưa đề xuất ghi vốn. Ngoài ra, DA đang thực hiện đổi tên
5	BT GPMB Công điều tiết kết hợp âu thuyền Rạch Nước Lên, Q.Bình Tân	TT Điều hành CT chống ngập nước	37	UBND TP đã chấp thuận địa điểm đầu tư (606/UBND-ĐTMT ngày 15/5/2013); DA chưa triển khai thực hiện do UBND TP đang tìm nguồn vốn
6	Bồi thường GPMB để phục vụ dự án Cải tạo Rạch Ông Búp, quận Bình Tân	Ban Bồi thường GPMB quận Bình Tân	363	Đã được Sở TNMT phê duyệt dự án BT (Quyết định 1156/QĐ-STNMT-BTTĐC ngày 30/10/2019); Đã được ghi vốn 5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Đã có Kế hoạch sử dụng đất (294/QĐ-UBND 11/7/2019)



**Phụ lục 1E. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ VEN  
KÊNH RẠCH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH  
(VỀ CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN TẤT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ)**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Trong đó		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
				Giải tỏa một phần	Giải tỏa toàn phần		
<b>11</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,479</b>	<b>326</b>	<b>2,153</b>	<b>5,260.07</b>	
1	DA BT GPMB để XD công viên hồ Khánh Hội, GĐ2, Quận 4	Ban QLDA Quận 4	495	-	495	241.50	Đã hoàn tất công tác bồi thường, hỗ trợ TĐC.
2	BT GPMB nhà ở trên kênh Tè, Q.7	Ban QLDA Quận 7	391	-	391	733.40	Đã hoàn tất công tác bồi thường, hỗ trợ TĐC
3	BT GPMB để phục vụ dự án cải tạo Rạch Bù Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh	Ban QLDA Q.Bình Thạnh	200	197	3	301.5	Đã hoàn tất công tác bồi thường, hỗ trợ TĐC
4	BT GPMB để phục vụ di dời, tháo dỡ và thu hồi đất XD công viên cù lao Nguyễn Kiệu, Q.4		517	-	517	503.62	Ngày 15/01/2019, UBND TP đã có Thông báo số 25/TB-VP chấp thuận cho 68 trường hợp còn lại của DA được nhận tiền BT, hỗ trợ theo PA năm 2012 và được mua căn hộ TĐC tại Quận 7 theo Phương án năm 2007
5	BT GPMB để XD công viên hồ Khánh Hội, GĐ3, Q.4	Ban QLDA ĐTXD CT Quận 4	316	-	316	621.87	Đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ, TĐC 299/316 trường hợp
6	BT GPMB các kho bãi dọc bờ Kênh Tè để xây dựng Công viên bờ Kênh Tè (GD1), Q.4		9	-	9	23.00	DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công, chưa có dự toán chuẩn bị đầu tư nên ko được ghi vốn chuẩn bị đầu tư
7	BT GPMB các kho bãi dọc bờ Kênh Tè để xây dựng Công viên bờ Kênh Tè (GĐ2), Q.4		7	-	7	27.00	DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công, chưa có dự toán chuẩn bị đầu tư nên ko được ghi vốn chuẩn bị đầu tư
8	BT GPMB kênh Hàng Bàng - GĐ2 (đoạn từ Mai Xuân Thưởng đến Ngô Nhân Tịnh) trên địa bàn Q.6	Ban Bồi thường GPMB Q.6	343	-	343	1,181.8	Đã nhận tiền 230 trường hợp; Đã bàn giao mặt bằng 147 trường hợp

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Trong đó		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
				Giải tỏa một phần	Giải tỏa toàn phần		
9	BT GPMB để phục vụ dự án chống sạt lở bán đảo Thanh Đa, đoạn 2, Q.Bình Thạnh	Ban QLDA ĐTXD CT Q.Bình Thạnh	67	64	3	766.8	Dự kiến đến hết 2020 sẽ hoàn tất công tác BT Ước lỹ kế thực hiện đến 2020 là 67
10	BT GPMB để phục vụ dự án chống sạt lở bán đảo Thanh Đa, đoạn 4, Q.Bình Thạnh		92	65	27	817.2	Dự kiến đến hết 2020 sẽ hoàn tất công tác BT Ước lỹ kế thực hiện đến 2020 là 92
11	Bồi thường GPMB và TĐC dự án Cải tạo Rạch Nháy - Ruột Ngựa, quận Bình Tân	Ban BT GPMB Q.Bình Tân	42	-	42	42.4	- Đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ, TĐC 36/42 trường hợp; - Đã được ghi vốn tại 5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019

**Phụ lục 1F. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ VEN KÊNH RẠCH THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Ghi chú
3	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5,549</b>	<b>13,584.92</b>	
1	Dự án di dời và tái định cư các hộ dân sông trên và ven bờ Nam kênh Đôi, Quận 8 để thực hiện chỉnh trang đô thị	Chưa xác định	5,055	12,843.92	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ: UBND/TP giao Tập đoàn Vingroup nghiên cứu điều chỉnh QH 1/2000 (Thông báo 512/TB-VP ngày 21/6/2017 của UBND/TP)</li> <li>- Nguồn vốn: UBND/TP đã tạm ứng 6 tỷ đồng từ ngân sách Thành phố để Q.8 chuẩn bị đầu tư dự án. (CV số 5096/UBND-ĐT ngày 16/9/2016)</li> <li>- Khó khăn: Chưa có QH 1/2000 được duyệt, DA có Tổng mức đầu tư lớn, ít NĐT đủ năng lực thực hiện, Không có đủ quỹ đất thực hiện BT, Thời gian thực hiện thủ tục đầu tư kéo dài.</li> </ul>
2	Dự án chỉnh trang đô thị rạch Song Tân, Q.7	Chưa xác định	352	528.00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa được phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500, chưa phê duyệt báo cáo đề xuất dự án.</li> <li>- UBND quận 7 kiến nghị UBND TP xem xét, sử dụng vốn ngân sách hỗ trợ di dời đối với giải tỏa và bồi thường toàn bộ dự án gồm phần diện tích công viên và phần diện tích nhà trên rạch. Sau khi hoàn thành lấy đất sạch của dự án sẽ tiến hành đấu thầu mời gọi đầu tư và nhà đầu tư sẽ hoàn tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho ngân sách theo quy định.</li> </ul>
3	Dự án chỉnh trang đô thị rạch Bàn Đôn, Quận 7	Chưa xác định	142	213.00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa được phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500, chưa phê duyệt báo cáo đề xuất dự án;</li> <li>- UBND quận 7 kiến nghị UBND TP chấp thuận ngưng thực hiện dự án đầu tư chỉnh trang đô thị tại khu vực ao Song Tân, P.Tân Kiêng theo hình thức đối tác công tư PPP và kiến nghị cho thực hiện dự án di dời và giải phóng mặt bằng nhà, đất nằm trên rạch Sông Tân bằng vốn ngân sách Thành phố để cải tạo, chỉnh trang khu vực này.</li> </ul>



**Phụ lục 1G. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ VEN  
KÊNH RẠCH THEO HÌNH THỨC DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG NHÀ Ở KẾT HỢP CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1,801</b>	
1	Khu nhà ở cao tầng dọc rạch Hiệp Ân tại Phường 5, Quận 8	Chưa xác định	497	- UBND/TP chấp thuận địa điểm đầu tư cho Cty TNHH BĐS Việt Phú An và cho phép tự thỏa thuận (198/UBND ngày 15/01/2009); - DA có tên trong Kế hoạch sử dụng đất được UBND/TP thông qua;
2	Khu công viên văn hóa - du lịch - thể thao phía Nam đường Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8	Cty CP Dịch vụ Xây dựng Kinh doanh nhà Vạn Thái	504	Cty CP Dịch vụ Xây dựng Kinh doanh nhà Vạn Thái đã được UBNDTP chấp thuận đầu tư tại Công văn số 3531/UBND-ĐTMT ngày 12/07/2011.
3	Khu Trung tâm thương mại, công viên phía Bắc đường Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8	Chưa xác định	800	UBNDTP đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đất phía Bắc đường Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8; trong đó đất thương mại dịch vụ 7,0ha.

**Phụ lục 2. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN DI DỜI NHÀ TRÊN VÀ  
VEN KÊNH RẠCH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>13,752</b>	<b>25,417.01</b>	
<b>I</b>	<b>Nhóm 1</b>		<b>3,220</b>	<b>12,530.0</b>	
1	Dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiều Lộc Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) qua địa bàn quận Bình Thạnh, Gò Vấp	Ban QLDA ĐTXD Hà tầng đô thị	2,196	9,350.00	03 dự án này thuộc danh mục các dự án trọng điểm, cần thiết đầu tư đã được Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất chủ trương đầu tư tại Công văn số 6281/SXD-HTKT ngày 09/6/2021. Riêng dự án rạch Xuyên Tâm và kênh Hy Vọng đã được Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị Trung ương bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 tại Công văn 3029/UBND-DA ngày 10/9/2021
2	Dự án Cải tạo kênh Hy Vọng quận Tân Bình, giải quyết tiêu thoát nước mưa, giảm ngập úng cho khu vực cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất		190	1,980.00	
3	Dự án Nạo vét, cải tạo rạch Văn Thánh, quận Bình Thạnh		834	1,200.00	
<b>II</b>	<b>Nhóm 2</b>		<b>3,250</b>	<b>5,543.5</b>	
1	BT GPMB để phục vụ dự án chống sạt lở bán đảo Thanh Đa, đoạn 3, Q. Bình Thạnh	Ban QLDA ĐTXD CT Q. Bình Thạnh	81	850.0	Sở TNMT đã phê duyệt Dự án BT (1158/QĐ-STNMT-BTTĐC ngày 30/10/2019). Ước lũy kế thực hiện đến 2020 là 20
2	BT GPMB để phục vụ dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (GD2), Q.12	TT Điều hành CT chống ngập nước	110	181.50	DA đã có chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn ODA. Do ODA đã ngưng tài trợ vốn, chưa xác định nguồn vốn để thực hiện DA, nên chưa đề xuất ghi vốn. Ngoài ra, DA đang thực hiện đổi tên
3	BT GPMB để phục vụ dự án Cống ngăn triều Vàm Thuật, Q.12	Ban Bồi thường GPMB Q.12	6	9.00	- Sở TNMT đã thông qua đơn giá đất T1 (12163/STNMT-KTĐ ngày 14/11/2016), Đang xây dựng Phương án Bồi thường; - Dự án tạm ngưng do không được bố trí vốn
4	BT GPMB để phục vụ dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (GD 2) Q. Gò Vấp	TT Điều hành CT chống ngập nước	44	181.5	DA đã có chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn ODA. Do ODA đã ngưng tài trợ vốn, chưa xác định nguồn vốn để thực hiện DA, nên chưa đề xuất ghi vốn. Ngoài ra, DA đang thực hiện đổi tên
5	BT GPMB Cống điều tiết kết hợp âu thuyền Rạch Nước Lên, Q. Bình Tân	TT Điều hành CT chống ngập nước	37	-	UBND TP đã chấp thuận địa điểm đầu tư (606/UBND-ĐTMT ngày 15/5/2013); DA chưa triển khai thực hiện do UBND TP đang tìm nguồn vốn
6	Bồi thường GPMB để phục vụ dự án Cải tạo Rạch Ông Búp, quận Bình Tân		363	453.8	Đã được Sở TNMT phê duyệt dự án BT (Quyết định 1156/QĐ-STNMT-BTTĐC ngày 30/10/2019); Đã được ghi vốn 5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Đã có Kế hoạch sử dụng đất (294/QĐ-UBND 11/7/2019)
7	BT GPMB và TĐC để xây dựng mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và Công viên cây xanh bờ Kênh Tê (GD3), Q.4		741	1,466.00	- DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công; - Q4 đang điều chỉnh chứng thư thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất theo Bảng giá đất 2020-2024. Sau khi hoàn tất Q4 sẽ trình Sở TNMT thông qua hệ số điều chỉnh giá đất tính BT
8	BT GPMB để XD công viên hồ Khánh Hội, GD4, Q4		683	750.00	- Hoàn tất công tác đo vẽ, kiểm đếm, - Q.4 Chuẩn bị trình Sở TNMT thẩm định Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường
9	BT GPMB Kênh Hàng Bàng - GD3 (đoạn từ đường Bình Tiên đến đường Phạm Đình Hổ) trên địa bàn Q.6		392	1,400.0	DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
10	BT GPMB Rạch nhánh Cầu Sơn, Q.Bình Thạnh	Ban QLDA ĐTXD CT Q.Bình Thạnh	54	55.50	DA đã được thông qua chủ trương đầu tư công, chưa phê duyệt DA
11	BT GPMB để thực hiện dự án cải tạo tuyến mương Nhật Bản P.2, Q.Tân Bình	Ban Bồi thường GPMB Q.Tân Bình	90	250.0	- Q.Tân Bình trình giá Sở TNMT thẩm định giá T1; - Sở TNMT đề nghị bổ sung KHSĐĐ và KH giao vốn 2019 Do đó hiện nay Q.Tân Bình đang điều chỉnh chứng thư thẩm định giá
12	BT GPMB để phục vụ dự án Cải tạo kênh A41, Q.Tân Bình		163	400.0	- Q.Tân Bình đã trình Sở TNMT phê duyệt giá T1; Sở TNMT đề nghị bổ sung KHSĐĐ và Quyết định giao vốn đầu tư công 2019
13	Bồi thường GPMB để phục vụ dự án Cải tạo Rạch Bà Tiếng, quận Bình Tân	Ban Bồi thường GPMB quận Bình Tân	245	482.3	Q.Bình Tân đã có Kế hoạch thu hồi đất. DA đã được ghi vốn tại 5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 Ban Bồi thường đang hoàn chỉnh hồ sơ chứng thư thẩm định giá để trình Sở TNMT xem xét, báo cáo UBND TP phê duyệt.
14	Bồi thường GPMB để Lắp đặt cống hộp kênh Liên xã (đoạn từ An Dương Vương đến Mã Lò), quận Bình Tân	Ban Quản lý ĐTXD CT Q.Bình Tân	241	748.5	Đã được ghi vốn chuẩn bị đầu tư (5514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019) liên quan đến việc lập, thẩm định Báo cáo Nghiên cứu khả thi; Q.Bình Tân đang hoàn tất báo cáo Nghiên cứu khả thi trình Sở KHĐT thẩm định
<b>III</b>	<b>Nhóm 3</b>		<b>7,282</b>	<b>10,362</b>	
1	BTGPMB và TĐC phục vụ dự án Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực P.12, Q.Phú Nhuận và P.14, Q.3 (kênh Bao Ngạn) trên địa bàn Q.3	Ban Bồi thường GPMB Q.3	86	67.82	DA đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, xác định giá T1; Qua khảo sát thực tế 2019, quy mô bị ảnh hưởng là giảm từ 89 căn thành 86 căn DA ảnh hưởng trên địa bàn 02 quận, thời gian xác định giá T1 kéo dài, tổng mức đầu tư tăng. Hiện nay, DA phải trình lại HĐNDTP điều chỉnh tổng mức đầu tư
2	BTGPMB và TĐC phục vụ dự án Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực P.12, Q.Phú Nhuận và P.14, Q.3 (kênh Bao Ngạn) trên địa bàn Q.Phú Nhuận	Ban Bồi thường GPMB Q.Phú Nhuận	48	68.73	DA đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, xác định giá T1; DA ảnh hưởng trên địa bàn 02 quận, thời gian xác định giá T1 kéo dài, tổng mức đầu tư tăng. Hiện nay, DA phải trình lại HĐNDTP điều chỉnh tổng mức đầu tư
3	BT GPMB kênh Hàng Bàng - GĐ2 (đoạn từ Ngõ Nhân Tịnh đến kênh Vạn Tượng) trên địa bàn Q.5	Ban Bồi thường GPMB Q.5	128	372.40	TMĐT của DA tăng lên 509 tỷ đồng. Hiện UBND Q5 đang lập DA và trình cấp thẩm quyền điều chỉnh TMĐT.
4	BT GPMB để phục vụ dự án thoát nước rạch Bàu Trâu	Ban Bồi thường GPMB Q.6	311	400.0	- Q.6 đã trình Sở TN&MT thông qua hệ số điều chỉnh giá đất (3383/UBND-BBT ngày 05/12/2016). Tuy nhiên do DA kéo dài trên địa bàn 02 quận nên hệ số tính giá bồi thường phải được duyệt cùng lúc. Sở TNMT đã trình Hội đồng thẩm định giá đất thông qua hệ số đất tính bồi thường (7025/STNMT-KTĐ ngày 21/8/2019); - TMĐT của dự án tăng so với trước đây (khoảng 487 tỷ). Hiện Sở SKHĐT, STNMT đang xem xét trình HĐND TP điều chỉnh TMĐT
5	BT GPMB để phục vụ dự án thoát nước rạch Bàu Trâu, Q.Tân Phú	Ban Bồi thường GPMB Q.Tân Phú	33	661.25	- DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công, - DA ảnh hưởng trên địa bàn 02 quận, nên hệ số tính bồi thường phải được duyệt cùng lúc. Sở TNMT đã trình Hội đồng thẩm định giá đất thông qua hệ số đất tính bồi thường (7025/STNMT-KTĐ ngày 21/8/2019); - Tổng mức đầu tư dự kiến hiện nay tăng, phải trình lại HĐNDTP điều chỉnh TMĐT
6	BT GPMB và TĐC để xây dựng bờ kè Bắc kênh Đới, Quận 8	Ban QLDA ĐTXD CT Quận 8	1,060	919.2	- DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư công, Q.8 đã trình Sở TTNMT thẩm định dự án (2213/UBND-BBT ngày 08/8/2019) - Tổng mức đầu tư của dự án đã vượt so với tổng mức đầu tư được duyệt (tăng từ 500 tỷ đồng lên 1.666,35 tỷ đồng). Q.8 đang thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án tại chủ trương đầu tư công

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô (căn)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
7	BT GPMB và TĐC dự án cải tạo rạch Nhảy - Ruột Ngựa, Q.8	Ban Bồi thường GPMB Q.8	203	135.0	- Q.8 trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự án (2146/UBND-BBT ngày 31/7/2019); - Tổng mức đầu tư của dự án đã vượt so với tổng mức đầu tư đã được duyệt (tăng từ 135 tỷ lên 306,5 tỷ). Q.8 đang thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án tại chủ trương đầu tư công
8	BT GPMB để phục vụ dự án Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Suối, Q.12	Ban QL DA Kênh Ba Bò	210	218.81	DA điều chỉnh tổng mức đầu tư, đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư công
9	BT GPMB Rạch Chín Xiêng, Q.Gò Vấp		121	108.0	
10	BT GPMB Rạch Ông Tổng và nhánh 3 rạch Ông Tổng, Q.Gò Vấp		27	22.5	
11	BT GPMB Rạch Ông Bầu, Q.Gò Vấp		74	13.5	
12	BT GPMB Rạch Cầu Cụt, Q.Gò Vấp		51	42.0	
13	BT GPMB Rạch Bà Miêng, Q.Gò Vấp		155	288.0	
14	Dự án Chính trang rạch Cầu Dừa, Q.4		160	230.00	
15	BT GPMB Rạch Cà Cắm, Quận 7		270	405.0	
16	BT GPMB Sông Phú Xuân, Quận 7		217	325.5	
17	BT GPMB Rạch Thầy Tiêu, Quận 7		35	52.5	
18	BT GPMB Rạch Ông Lớn, Quận 7		273	301.5	
19	BT GPMB Rạch Tam Đệ, Quận 7		104	55.50	
20	Rạch Bàng, Quận 7		73	109.50	
21	Rạch Ông Tư Dinh, Quận 7		7	9.00	
22	BT GPMB Rạch Bò Đẻ, Quận 8		120	115.0	
23	BT GPMB Rạch Du - Ông Lớn - Ông Nhỏ - Kênh Xáng, Quận 8		1,980	2,970.0	
24	BT GPMB Bờ Tây Rạch Xóm Cùi, Q.8		118	177.0	
25	BT GPMB Rạch Bà Tàng, Quận 8		224	336.0	
26	BT GPMB Sông Cắn Giuộc, Q.8		97	145.5	
27	BT GPMB Rạch Nhụy, Quận 8		692	1,038.0	
28	BT GPMB Rạch Bà Cà, Quận 8		160	240.0	
29	BT GPMB Rạch nhánh kênh Thanh Đa, Q.Bình Thạnh	Chưa xác định	81	121.50	
30	Cải tạo kênh Tân Trụ, Q.Tân Bình	Ban Bồi Thường GPMB Q.Tân Bình	164	413.00	- Là DA giải quyết thoát nước, chống ngập cho Cảng hàng không Tân Sơn Nhất. - Trung tâm chống ngập đang trình Sở TN&MT duyệt ranh chiếm dụng công trình của DA bồi thường.



**PHỤ LỤC 2**  
**DANH SÁCH 246 CHUNG CƯ CẤP B, C CÒN LẠI CỦA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo									
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ	Nhà thuộc SHNN (căn)					
1		2			5	7						6	7	8	9	10					
(246)																					
<b>TỔNG CỘNG</b>												251 lô									
<b>QUẬN 1</b>												70 lô									
1	C/cư 331 Trần Hưng Đạo P. Cồ Giang	1	C/cư 331 Trần Hưng Đạo P. Cồ Giang	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						49,316,1	193,863,8		2,771	0					
2	C/cư 374 Nguyễn Công Trứ	2	C/cư 374 Nguyễn Công Trứ, P. Cầu Ông Lãnh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		C						208,0	530,4	3	12						
3	C/cư 1 Nguyễn Trung Trục	3	C/cư 1 Nguyễn Trung Trục, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						267,7	1,137,9	5	28						
4	C/cư 4 Lê Thị Riêng	4	C/cư 4 Lê Thị Riêng, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						389,3	1,323,7	4	19						
5	C/cư 68 Huỳnh Thúc Kháng	5	C/cư 68 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		C						169,0	574,5	4	22						
6	C/cư 12-14 Nguyễn Thị Nghĩa	6	C/cư 12-14 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						547,0	2,324,8	5	21						
7	C/cư 89-91 Nguyễn Du	7	C/cư 89-91 Nguyễn Du, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						346,3	2,354,7	8	55						
8	C/cư 70-72 Hàm Nghi	8	C/cư 70-72 Hàm Nghi, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		C						2,615,0	11,113,8	5	108						
9	C/cư 176-178 Trần Hưng Đạo	9	C/cư 176-178 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						569,0	1,934,6	4	19						
10	C/cư 361 Nguyễn Trãi	10	C/cư 361 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						534,3	2,725,1	6	43						
11	C/cư 269F Nguyễn Trãi	11	P. Nguyễn Cư Trinh, C/cư 269F Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						123,0	522,9	5	17						
12	C/cư 9 Cao Bá Nha	12	C/cư 9 Cao Bá Nha, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						683,0	3,483,2	6	125						
13	C/cư 134 Trần Hưng Đạo	13	P. Nguyễn Cư Trinh, C/cư 134 Trần Hưng Đạo, P. Phạm Nộn 1 ăo	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		C						371,2	1,893,0	6	30						
14	C/cư 41 Bùi Viện	14	C/cư 41 Bùi Viện, P. Phạm Nộn 1 ăo	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						810,7	4,823,8	7	118						
15	C/cư 284 Nguyễn Công Trứ	15	C/cư 284 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						303,4	1,289,4	5	39						
16	C/cư 14 Tôn Thất Đạm	16	C/cư 14 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						165,6	703,8	5	29						
17	C/cư 45-53 Trần Hưng Đạo	17	C/cư 45-53 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						1,150,9	4,891,2	5	43						
18	C/cư 47-57 Nguyễn Thái Bình	18	C/cư 47-57 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						1,351,1	5,742,2	5	47						
19	C/cư 88B Điện Biên Phủ	19	C/cư 88B Điện Biên Phủ, P. Đa Kao	Ban quản trị		B						2,222,0	20,775,4	11	433						
20	C/cư 284 Cồ Bắc	20	C/cư 284 Cồ Bắc P. Cồ Giang	Ban quản trị		B						256,2	1,741,8	8	16						
21	C/cư 147 Dê Thâm	21	C/cư 147 Dê Thâm, P. Cồ Giang	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						1,933,0	3,286,1	2	57						
												336,0	1,142,4	4	17						

Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo					Nhà thuộc SHNN (căn)
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ		
22	C/cư 207-209 Trần Hưng Đạo	22	C/cư 207-209 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						141.0	719.1	6	20		
23	C/cư 247-249 Trần Hưng Đạo	23	C/cư 247-249 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		C						853.0	5,800.4	8	106		
24	C/cư 73/8 Hồ Hào Hớn	24	C/cư 73/8 Hồ Hào Hớn, P. Cô Giang	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						482.0	1,638.8	4	32		
25	C/cư 301bis Trần Hưng Đạo	25	C/cư 301bis Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						113.0	480.3	5	29		
26	C/cư 119 Trần Hưng Đạo	26	C/cư 119 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Ông Lãnh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						237.6	807.8	4	19		
27	C/cư 153-155 Lê Thị Hồng Gấm	27	C/cư 153-155 Lê Thị Hồng Gấm P. Cầu Ông Lãnh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						175.1	893.0	6	21		
28	C/cư 60-68 Nguyễn Trãi	28	C/cư 60-68 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						349.7	2,080.7	7	42		
29	C/cư 120 Nguyễn Trãi	29	C/cư 120 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B	2017				(Cá nhân)	560.5	2,382.0	5	46		
30	C/cư 170 Lý Tự Trọng	30	C/cư 170 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						146.4	871.1	7	20		
31	C/cư 240-242 Lý Tự Trọng	31	C/cư 240-242 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						105.3	716.1	8	20		
32	C/cư 108-110 Lê Lợi	32	C/cư 108-110 Lê Lợi, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		C						204.1	1,214.1	7	27		
33	C/cư 136 Lê Thanh Tôn	33	C/cư 136 Lê Thanh Tôn, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						961.8	2,452.6	3	38		
34	C/cư 69 Nguyễn Thị Minh Khai	34	C/cư 69 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Thành	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						136.3	463.3	4	16		
35	C/cư 77 Nguyễn Huệ	35	C/cư 77 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B	2017					461.2	1,959.9	5	18		
36	C/cư 95 Pasteur	36	C/cư 95 Pasteur, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						958.0	5,700.1	7	44		
37	C/cư 63 Đông Du	37	C/cư 63 Đông Du, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						1,384.0	4,705.5	4	16		
38	C/cư 5 Nguyễn Siêu	38	C/cư 5 Nguyễn Siêu, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						388.7	1,982.4	6	23		
39	C/cư 151 Đồng Khởi	39	C/cư 151 Đồng Khởi, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		C						1,450.0	3,697.5	3	26		
40	C/cư 39 Hải Bà Trưng	40	C/cư 39 Hải Bà Trưng, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						430.8	3,295.5	9	26		
41	C/cư 36-38 Lê Lợi	41	C/cư 36-38 Lê Lợi, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						757.4	1,931.3	3	16		
42	C/cư 130 Pasteur	42	C/cư 130 Pasteur, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						490.5	2,084.6	5	36		
43	C/cư 42 Tôn Thất Thiệp	43	C/cư 42 Tôn Thất Thiệp, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						2,749.5	7,011.2	3	74		
44	C/cư 97-99 Tôn Thất Đàm	44	C/cư 97-99 Tôn Thất Đàm, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						128.0	761.6	7	30		
45	C/cư 107 Tôn Thất Đàm	45	C/cư 107 Tôn Thất Đàm, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						903.0	5,372.7	7	39		
46	C/cư 40E Ngô Đức Kế	46	C/cư 40E Ngô Đức Kế, P. Bến Nghé	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1		B						971.5	5,780.5	7	61		



Stt cũm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo					Nhà thuộc SHNN (căn)
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ		
47	C/cư 39 Ngô Đức Kế	47	C/cư 39 Ngô Đức Kế	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						1,062.7	2,709.8	3	18		
48	C/cư 166 Trần Hưng Đạo	48	C/cư 166 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		C						768.4	1,959.3	3	25		
49	C/cư 353 Nguyễn Trãi	49	C/cư 353 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						435.2	1,109.9	3	20		
50	C/cư 7 Cao Bá Nha	50	C/cư 7 Cao Bá Nha, P. Nguyễn Cư Trinh	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						216.0	1,101.6	6	11		
51	C/cư 214/19 Nguyễn Văn Nguyễn	51	C/cư 214/19 Nguyễn Văn Nguyễn, P. Tân Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						1,480.8	3,776.0	3	50		
52	C/cư 63-65-67 Đỗ Quang Đầu	52	C/cư 63-65-67 Đỗ Quang Đầu, P. Phạm Ngũ Lão	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		C						320.1	1,632.6	6	46		
53	C/cư 15 Nam Quốc Cang	53	C/cư 15 Nam Quốc Cang, P. Phạm Ngũ Lão	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						277.2	706.8	3	18		
54	C/cư 144ter Trần Hưng Đạo	54	C/cư 144ter Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						381.5	972.9	3	28		
55	C/cư 56 Nguyễn Cư Trinh	55	C/cư 56 Nguyễn Cư Trinh, P. Phạm Ngũ Lão	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						126.6	538.0	5	19		
56	C/cư 25 Nguyễn Thái Bình	56	C/cư 25 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						665.8	1,697.9	3	17		
57	C/cư 164 Nguyễn Thái Bình	57	C/cư 164 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						420.0	1,070.9	3	23		
58	C/cư 235 Nguyễn Công Trứ	58	C/cư 235 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						782.5	1,330.2	2	24		
59	C/cư 142Bis Lê Thị Hồng Gấm	59	C/cư 142Bis Lê Thị Hồng Gấm	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						240.0	612.0	3	10		
60	C/cư 214-234 Nguyễn Công Trứ	60	C/cư 214-234 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						788.1	1,339.8	2	24		
61	C/cư 281 Nguyễn Công Trứ	61	C/cư 281 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						1,504.6	3,836.7	3	45		
62	C/cư 12-68 Kỳ Con	62	C/cư 12-68 Kỳ Con, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						2,946.9	7,514.6	3	92		
63	C/cư 245-257 Nguyễn Công Trứ	63	C/cư 245-257 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						842.0	2,147.2	3	21		
64	C/cư 111 Đinh Tiên Hoàng	64	C/cư 111 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						642.4	1,638.2	3	16		
65	C/cư 120 Đinh Tiên Hoàng	65	C/cư 120 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						522.9	1,333.4	3	18		
66	C/cư 5B Nguyễn Đình Chiểu	66	C/cư 5B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao	Công ty TNHH MTV Dịch vụ		B						2,367.3	12,073.2	6	16		
67	C/cư 12 Nguyễn Huy Tư	67	C/cư 12 Nguyễn Huy Tư, P. Đa Kao	(Khu phố tư quản)		B						231.3	1,179.6	6	18		
68	C/cư 72C Đinh Tiên Hoàng	68	C/cư 72C Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao	(Khu phố tư quản)		B						444.0	1,509.5	4	22		
69	C/cư 12C Nguyễn Thị Minh Khai	69	C/cư 12C Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao	(Khu phố tư quản)		B						299.5	1,272.7	5	20		
70	C/cư 65-81 Nguyễn Văn Giai	70	C/cư 65-81 Nguyễn Văn Giai, P. Đa Kao	(Khu phố tư quản)		B						660.6	1,684.6	3	27		
<b>QUẬN 3</b>												<b>27.16</b>	<b>25,425.9</b>	<b>100,826.3</b>	<b>974</b>	<b>41</b>	

Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo					Nhà thuộc SHNN (căn)											
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ	Nhà thuộc SHNN (căn)												
71	C/cư 73 Cao Thăng	71	C/cư 73 Cao Thăng			C						2,049.6	8,710.8	5	41	12												
72	C/cư 473-475 Điện Biên Phủ	72	C/cư 473-475 Điện Biên Phủ			C						394.0	1,674.5	5	10													
73	C/cư 450 Nguyễn Thị Minh Khai	73	C/cư 450 Nguyễn Thị Minh Khai			B						648.0	5,833.8	9	85	1												
74	C/cư 67 Phạm Ngọc Thạch	74	C/cư 67 Phạm Ngọc Thạch			B						1,109.3	3,771.6	4	34													
75	C/cư 60-62 Cách Mạng Tháng Tám	75	C/cư 60-62 Cách Mạng Tháng Tám			B						349.4	1,781.9	6	7													
76	C/cư 23 Lê Quý Đôn	76	C/cư 23 Lê Quý Đôn			B						358.0	1,825.8	6	23													
77	C/cư 99 Nguyễn Đình Chiểu	77	C/cư 99 Nguyễn Đình Chiểu			B						314.4	1,870.7	7	23													
78	C/cư 42 Trần Cao Vân	78	C/cư 42 Trần Cao Vân			B						1,151.6	4,894.3	5	49	2												
79	C/cư 86 Trương Quyền	79	C/cư 86 Trương Quyền			C						281.0	810.0	3	22													
80	C/cư 72 Trương Quyền	80	C/cư 72 Trương Quyền			C						338.7	2,591.1	9	72													
81	C/cư 2 Nguyễn Gia Thiều	81	C/cư 2 Nguyễn Gia Thiều			C						1,457.6	2,477.9	2	34													
82	C/cư 242 Pasteur	82	C/cư 242 Pasteur			B						764.0	3,247.0	5	30													
83	C/cư 57 Phạm Ngọc Thạch	83	C/cư 57 Phạm Ngọc Thạch			C						1,036.5	6,167.2	7	36	1												
84	C/cư 42 Trần Cao Vân	84	C/cư 42 Trần Cao Vân			B						1,151.6	4,894.3	5	49	2												
85	C/cư 218 Nguyễn Đình Chiểu	85	C/cư 218 Nguyễn Đình Chiểu			B						1,510.0	10,268.0	8	114	7												
86	C/cư 67 Võ Văn Tần	86	C/cư 67 Võ Văn Tần			B						732.0	3,111.0	5	20	1												
87	C/cư 230 Điện Biên Phủ	87	C/cư 230 Điện Biên Phủ			B						779.4	2,650.0	4	25													
88	C/cư 30 Ngô Thời Nhiệm	88	C/cư 30 Ngô Thời Nhiệm			C						3,114.7	10,590.0	4	20	1												
89	C/cư 139KA Lý Chính Thắng	89	C/cư 139KA Lý Chính Thắng			B						515.6	2,191.3	5	25													
90	C/cư 175 Võ Thị Sáu	90	C/cư 175 Võ Thị Sáu			B						930.0	2,371.5	3	25													
91	C/cư 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	91	C/cư 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa			B						1,806.0	3,070.2	2	51	1												
92	C/cư 72/8 Trần Quốc Toản	92	C/cư 72/8 Trần Quốc Toản			C						1,261.4	5,361.0	5	50	5												
93	C/cư 177-179-181 Trần Quốc Thảo	93	C/cư 177-179-181 Trần Quốc Thảo			C						768.0	1,958.4	3	32	4												
94	C/cư 284 Lê Văn Sỹ	94	C/cư 284 Lê Văn Sỹ			B						1,207.0	4,103.8	4	32	4												
95	C/cư 302/5 Lê Văn Sỹ	95	C/cư 302/5 Lê Văn Sỹ			C						202.1	515.4	3	30	4												
96	C/cư 172 Lý Chính Thắng	96	C/cư 172 Lý Chính Thắng			C						328.0	1,700.0	5	17													
97	C/cư 70 Bà Huyện Thanh Quan	97	C/cư 70 Bà Huyện Thanh Quan			C						868.0	2,385.0	5	50													
<b>QUẬN 4</b>												01	16															
98	Nhà tập thể 276 Nguyễn Tất Thành	98	Nhà tập thể 276 Nguyễn Tất Thành			C						251.0	686.9	4	19													
<b>QUẬN 5</b>												87	16															
<b>QUẬN 5</b>												UBND Phường 13											50,767.9	157,954.0		2,327		62



Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo				
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ	Nhà thuộc SHNN (căn)
99	3 Nguyễn Biểu (3/2-28)	99	3 Nguyễn Biểu (3/2-28)	Cty TNHH MTV DVCI 05	B							898.8	1,441.4	2	53	
100	258 Lê Hồng Phong	100	258 Lê Hồng Phong		B							2,202.0	2,572.6	2	27	
101	82/8-11 An Bình	101	82/8-11 An Bình		B							112.4	449.6	4	12	
102	66/2-11 Bạch Vân	102	66/2-11 Bạch Vân		B							698.5	2,906.1	4	42	
103	66/2-11 Nghĩa Thục	103	66/2-11 Nghĩa Thục		B							698.5	2,906.1	5	23	
104	103 Nghĩa Thục	104	103 Nghĩa Thục		B							312.6	1,310.1	5	18	1
105	92 Trần Tuấn Khải	105	92 Trần Tuấn Khải		B							112.3	449.2	4	8	
106	Hành Phúc (32 Ngõ Quyển)	106	Hành Phúc (32 Ngõ Quyển)		B							803.5	4,314.6	10	69	6
107	72-82 Nguyễn Thời Trung	107	72-82 Nguyễn Thời Trung		B							489.0	1,040.0	4	10	5
108	948 Võ Văn Kiệt (414 Hàm Tử)	108	948 Võ Văn Kiệt (414 Hàm Tử)		B							605.0	1,060.0	4	20	2
109	1048 Võ Văn Kiệt (522-532 HTÚ)	109	1048 Võ Văn Kiệt (522-532 HTÚ)		B							518.9	1,235.4	4	17	
110	1078 Võ Văn Kiệt (554-558 Hàm Tử)	110	1078 Võ Văn Kiệt (554-558 Hàm Tử)		B							234.0	1,345.9	6	18	
111	1090-1096 Võ Văn Kiệt (566-574 HTÚ)	111	1090-1096 Võ Văn Kiệt (566-574 HTÚ)		B							778.6	2,497.4	4	28	0
112	1100 Võ Văn Kiệt (580-584 Hàm Tử)	112	1100 Võ Văn Kiệt (580-584 Hàm Tử)		B							1,032.0	4,128.0	4	52	
113	137/1-7 Bùi Hữu Nghĩa	113	137/1-7 Bùi Hữu Nghĩa	Tự quản	B							374.2	1,476.3	5	24	1
114	129-143 Bùi Hữu Nghĩa	114	129-143 Bùi Hữu Nghĩa		B							554.7	2,148.3	5	33	2
115	56-62 Ngõ Quyển	115	56-62 Ngõ Quyển		B							441.9	656.7	3	21	0
116	585B Nguyễn Trãi	116	585B Nguyễn Trãi	Ban Quản trị	B							104.2	408.8	5	12	1
117	447-449 Trần Phú	117	447-449 Trần Phú		B							149.2	621.8	5	10	
118	415 Trần Phú (415/1-9)	118	415 Trần Phú (415/1-9)		B							884.6	3,952.2	5	53	2
119	22 Trần Xuân Hòa	119	22 Trần Xuân Hòa		B							102.2	561.0	5	10	1
120	191-205 Bùi Hữu Nghĩa	120	191-205 Bùi Hữu Nghĩa		B							739.1	1,551.9	3	17	
121	1-11 Nguyễn Duy Dương	121	1-11 Nguyễn Duy Dương	Ban điều hành TPP 25	B							46.5	1,511.9	4	23	
122	391 Trần Phú	122	391 Trần Phú	Ban điều hành TPP 15	B							221.2	953.5	3	14	
123	274-276 Trần Phú	123	274-276 Trần Phú	Ban điều hành TPP 11	B							167.0	1,140.0	6	15	
124	128 An Dương Vương	124	128 An Dương Vương	Ban điều hành TPP 76	B							860.8	2,719.0	3	21	
125	35/1 Nguyễn Chí Thanh	125	35/1 Nguyễn Chí Thanh		B							267.8	546.8	2	10	
126	114-134 Nguyễn Duy Dương	126	114-134 Nguyễn Duy Dương		B							906.3	1,505.0	2	17	
127	138 Nguyễn Tri Phương	127	138 Nguyễn Tri Phương		B							356.5	1,568.9	4	16	
128	38 An Diêm (38-46)	128	38 An Diêm (38-46)		B							641.8	2,781.7	4	33	0

Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo				
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sân xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ	Nhà thuộc SHNN (căn)
129	38-42 Lương Nhữ Học	129	38-42 Lương Nhữ Học			B						1.220,5	3.135,2	3	35	0
130	31 Phan Huy Chú (31/10-12)	130	31 Phan Huy Chú (31/10-12)			B						173,8	624,7	3	9	0
131	14-20 Phan Phú Tiên	131	14-20 Phan Phú Tiên			B						191,6	497,2	3	12	0
132	22-28 Phan Phú Tiên	132	22-28 Phan Phú Tiên			B						201,7	822,2	4	17	0
133	265-305 Hồng Bàng	133	265-305 Hồng Bàng			B						1.331,2	2.234,4	2	38	
134	261 hẻm Hồng Bàng	134	261 hẻm Hồng Bàng			B						162,0	648,0	4	14	
135	225-241 Hồng Bàng	135	225-241 Hồng Bàng			B						771,2	1.476,6	3	27	
136	78-92 Kỳ Hòa	136	78-92 Kỳ Hòa			B						558,9	1.092,3	2	14	0
137	14 Lão Từ	137	14 Lão Từ			B						933,4	2.800,2	3	55	
138	21/1-21/9 Lão Từ	138	21/1-21/9 Lão Từ	UBND P11		B						430,7	1.607,1	5	71	
139	47-49 Ngô Quyền	139	47-49 Ngô Quyền			C						1.321,1	2.358,7	2	39	1
140	13-21 Nguyễn Án	140	13-21 Nguyễn Án			B						374,3	652,6	2	8	
141	671 Nguyễn Trãi (671/1-25)	141	671 Nguyễn Trãi (671/1-25)			B						1.352,6	5.658,8	4	80	0
142	762/1-762/4 Nguyễn Trãi	142	762/1-762/4 Nguyễn Trãi			B						113,3	548,6	3	13	
143	2-2C Phú Định	143	2-2C Phú Định			B						205,1	666,4	3	13	
144	254 Trần Hưng Đạo (246-262)	144	254 Trần Hưng Đạo (246-262)	Tổ dân phố		B						711,7	1.132,5	2	18	
145	118 Triều Quang Phục	145	118 Triều Quang Phục			B						395,9	1.187,7	3	12	3
146	253-255 Lương Nhữ Học	146	253-255 Lương Nhữ Học			B						206,3	1.046,9	4	14	
147	277 Nguyễn Chí Thanh	147	277 Nguyễn Chí Thanh			B						520,1	980,4	2	18	0
148	50-62 Gò Công	148	50-62 Gò Công			B						505,2	856,9	2	13	
149	Cư Gò Công	149	113 Gò Công (107-121, 113/1-4)			B						745,3	1.830,2	3	31	
150	132-146 Ngô Nhân Tĩnh	150	147 Gò Công (Mặt tiền 147A/1-9)	Tổ dân phố		B						589,2	1.567,4	3	26	
151	77/1-77/7 Nguyễn Thi	151	147 Gò Công (Trong 147A/5/1-12)			B						773,8	1.233,3	2	24	
152	8-16 Phạm Bàn	152	132-146 Ngô Nhân Tĩnh			B						638,0	1.573,6	3	22	
153	24/10-15 Phạm Bàn	153	77/1-77/7 Nguyễn Thi			C						809,6	2.071,5	3	21	
154	93/1-8 Trần Văn Kiêu	154	8-16 Phạm Bàn			B						380,9	1.095,2	3	22	
155	153 Trần Văn Kiêu	155	24/10-15 Phạm Bàn			B						369,8	583,4	2	12	
156	153 Trần Văn Kiêu	156	93/1-8 Trần Văn Kiêu			C						623,3	978,8	3	16	
157	89/2-8 Phùng Hưng	157	153 Trần Văn Kiêu			B						440,0	1.568,2	4	20	
158	89/2-8 Phùng Hưng	158	89/2-8 Phùng Hưng			B						228,3	1.141,5	5	18	2
159	123 Châu Văn Liêm, 37 Lão Từ	159	123 Châu Văn Liêm, 37 Lão Từ			B						444,6	1.333,8	3	16	0

Stt cũm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo				
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ	Nhà thuộc SHNN (căn)
158	10/1-8 Đỗ Ngọc Thanh	160	10/1-8 Đỗ Ngọc Thanh			B						1,087.7	4,068.2	4	43	
159	77ABC-79, 77/1-4 Đỗ Ngọc Thanh, 429-441 Hồng Bàng	161	77ABC-79, 77/1-4 Đỗ Ngọc Thanh, 429-441 Hồng Bàng			B						1,054.0	4,995.2	4	64	4
160	56-76 Đỗ Ngọc Thanh	162	56-76 Đỗ Ngọc Thanh			B						1,019.9	4,902.5	4	48	
161	38ABC Học Lạc	163	38ABC Học Lạc			B						359.8	2,114.0	5	15	
162	401-427 Hồng Bàng	164	401-427 Hồng Bàng			B						1,056.2	2,094.0	2	28	2
163	553-563 Hồng Bàng; 26 Xóm Vôi; 1028AB-1034 Nguyễn Trãi	165	553-563 Hồng Bàng; 26 Xóm Vôi; 1028AB-1034 Nguyễn Trãi			B						496.8	1,490.4	3	48	
164	511-517 Hồng Bàng	166	511-517 Hồng Bàng	Quận 5		B						325.9	811.4	3	10	
165	52 Lão Từ - 216 Phùng Hưng	167	52 Lão Từ - 216 Phùng Hưng			B						225.8	397.4	3	12	
166	813/2-8 Nguyễn Trãi	168	813/2-8 Nguyễn Trãi			B						315.1	945.3	2	14	3
167	892-900 Nguyễn Trãi (KS A Châu)	169	892-900 Nguyễn Trãi (KS A Châu)			B						364.5	873.2	3	6	
168	826-842 Nguyễn Trãi; 171-177 Phùng Hưng	170	826-842 Nguyễn Trãi; 171-177 Phùng Hưng			B						1,081.1	4,623.9	4	42	1
169	179-187 Phùng Hưng	171	179-187 Phùng Hưng			B						637.4	3,126.2	4	40	1
170	980-986 Nguyễn Trãi	172	980-986 Nguyễn Trãi			B						384.9	1,066.0	4	12	
171	999-1005 Nguyễn Trãi; 19-21D Phú Giáo	173	999-1005 Nguyễn Trãi; 19-21D Phú Giáo			B						423.9	1,829.1	3	27	1
172	6A-6B Tông Duy Tân	174	6A-6B Tông Duy Tân			B						961.3	5,784.0	5	80	7
173	13-25 Tông Duy Tân	175	13-25 Tông Duy Tân			B						411.8	1,924.2	5	35	4
174	1-1A Trần Chánh Chiếu; 1-5 Phú Hòa; 65 Trang Từ	176	1-1A Trần Chánh Chiếu; 1-5 Phú Hòa; 65 Trang Từ			B						434.8	1,217.1	3	18	
175	96-100 Trang Từ	177	96-100 Trang Từ			B						389.1	1,084.7	3	9	
176	24 Trang Từ (21-26)	178	24 Trang Từ (21-26)			B						635.3	2,002.5	4	32	0
177	101-105 Trang Từ	179	101-105 Trang Từ			B						318.8	530.4	2	10	
178	39-51B Lão Từ; 202-214 Phùng Hưng; 806/1-6 Nguyễn Trãi; 808-822 Nguyễn Trãi	180	39-51B Lão Từ; 202-214 Phùng Hưng; 806/1-6 Nguyễn Trãi; 808-822 Nguyễn Trãi			B						2,243.7	6,731.1	3	79	3
179	815B-827 Nguyễn Trãi; 200 Phùng Hưng; 815/1-815/2 Nguyễn Trãi	181	815B-827 Nguyễn Trãi; 200 Phùng Hưng; 815/1-815/2 Nguyễn Trãi			B						666.3	2,682.5	4	55	4
180	319-325 Nguyễn Chí Thanh	182	319-325 Nguyễn Chí Thanh			B						255.7	875.3	4	15	



Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XĐ/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XĐ lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo									
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tầng số căn hộ	Nhà thuộc SHNN (căn)					
181	383-393 Nguyễn Chí Thanh	183	383-393 Nguyễn Chí Thanh			B						462.3	872.0	3	13						
182	72-76 Nguyễn Thị Nhỏ	184	72-76 Nguyễn Thị Nhỏ			B						507.1	1,938.7	4	15	5					
183	183-197 Phạm Hữu Chí, 47/9-23 Hà Tôn Quyền	185	183-197 Phạm Hữu Chí, 47/9-23 Hà Tôn Quyền			B						437.5	1,731.7	4	64	0					
184	46 Ta Uyên (46/1-5)	186	46 Ta Uyên (46/1-5)			B						174.0	478.5	2	19						
<b>QUẬN 6</b>												<b>13</b>	<b>13</b>								
185	C/cư 43 Bình Tây	187	C/cư 43 Bình Tây, P1			C						1,653.0	3,306.0	2	48						
186	C/cư 149 Cao Văn Lầu	188	C/cư 149 Cao Văn Lầu, P1			C						1,178.8	2,357.6	2	32						
187	C/cư 190 Mai Xuân Thương	189	C/cư 190 Mai Xuân Thương, P2			C						445.4	1,782.0	4	18						
188	C/cư 96 Phạm Đình Hồ	190	C/cư 96 Phạm Đình Hồ, P2			B						465.0	1,394.0	3	18						
189	C/cư 132 - 134 Chu Văn An	191	C/cư 132 - 134 Chu Văn An, P2			B						464.0	3,250.0	7	36						
190	C/cư 97 - 105 + 107/4 - 107/16 Ngô Nhân Tĩnh	192	C/cư 97 - 105 + 107/4 - 107/16 Ngô Nhân Tĩnh, P2			C						309.0	619.0	2	24						
191	C/cư 77-95 Phạm Phú Thứ	193	C/cư 77-95 Phạm Phú Thứ, P3			B						804.0	1,609.0	2	20						
192	C/cư 182 Phạm Phú Thứ	194	C/cư 182 Phạm Phú Thứ, P4			B						332.0	995.0	3	13						
193	C/cư 277 Hậu Giang	195	C/cư 277 Hậu Giang, P5			C						1,031.0	3,094.0	3	39						
194	C/cư 189 - 195A Mai Xuân Thường	196	C/cư 189 - 195A Mai Xuân Thường, P5			C						653.0	1,960.0	3	24						
195	C/cư 196 - 218 Minh Phụng	197	C/cư 196 - 218 Minh Phụng, P6			C						1,052.0	2,104.0	2	40						
196	C/cư 83-89 Minh Phụng	198	C/cư 83-89 Minh Phụng, P9			B						293.0	586.0	2	12						
197	C/cư 97/4 - 97/18 Nguyễn Đình Chí	199	C/cư 97/4 - 97/18 Nguyễn Đình Chí, P9			C						783.0	1,565.0	2	16						
<b>QUẬN 11</b>												<b>26</b>	<b>16</b>								
198	Cư xá Nhà Đèn 8, đường 277 Minh Phụng P2	200	Cư xá Nhà Đèn 8, đường 277 Minh Phụng P2			B						4,590.0	16,200.0	3	24						
199	Nhà tập thể 18 Tân Khai P4	201	Nhà tập thể 18 Tân Khai P4			B						560.0	3,294.0	5	24						
200	Nhà tập thể 131 Hà Tôn Quyền P4	202	Nhà tập thể 131 Hà Tôn Quyền P4			B						1,827.5	8,600.0	4	8						
201	Nhà tập thể 562 Nguyễn Chí Thanh P4	203	Nhà tập thể 562 Nguyễn Chí Thanh P4			C						214.0	856.0	4	14						
202	Nhà tập thể 910L Nguyễn Chí Thanh P4	204	Nhà tập thể 910L Nguyễn Chí Thanh P4			B						787.5	1,853.0	2	9						
203	Nhà tập thể 205-207 Dương Tử Giang P4	205	Nhà tập thể 205-207 Dương Tử Giang P4			B						493.6	2,323.0	4	16						
204	Nhà tập thể 121 Trần Quý P4	206	Nhà tập thể 121 Trần Quý P4			B						1,480.7	8,710.0	5	5						
205	Nhà tập thể 856 Nguyễn Chí Thanh P4	207	Nhà tập thể 856 Nguyễn Chí Thanh P4			B						250.0		4	2						
<b>QUẬN 11</b>												<b>32,427.1</b>	<b>108,319.7</b>								
<b>QUẬN 6</b>												<b>9,463.2</b>	<b>24,621.6</b>								
<b>TỔNG CỘNG</b>												<b>136</b>	<b>136</b>								



Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XD/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XD lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo				Nhà thuê SHNN (căn)							
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ								
206	Nhà tập thể 874 Phố Cơ Diệu P4	208	Nhà tập thể 874 Phố Cơ Diệu P4			B						250.0		2	7								
207	Nhà tập thể 80 Phố Cơ Diệu P4	209	Nhà tập thể 80 Phố Cơ Diệu P4			B						1,061.5	5,085.80	2	2								
208	Nhà tập thể 82 Phố Cơ Diệu P4	210	Nhà tập thể 82 Phố Cơ Diệu P4			B						1,100.0		2	2								
209	C/cur 75-81 Phố Cơ Diệu P4	211	C/cur 75-81 Phố Cơ Diệu P4			B						3,490.3	8,212.50	2	8								
210	C/cur 69 Trần Quý	212	C/cur 69 Trần Quý			B						1,896.4	8,924.00	4	4								
211	C/cur 106-122 Tân Khai	213	C/cur 106-122 Tân Khai			B						1,031.6	3,641.0	3	20								
212	C/cur 198 Tân Khai P4	214	C/cur 198 Tân Khai P4			B						2,334.1	10,984.0	4	40								
213	C/cur Liễu Thị Hương	215	C/cur Liễu Thị Hương			B						1,560.2	3,671.0	2	19								
214	C/cur Thiên Phú	216	C/cur Thiên Phú			B						430.6	1,013.2	2	32								
215	C/cur Kim Hoa	217	136/8 Lê Thị Bạch Cát			C						646.0	1,520.0	2	6								
		218	136/40 Lê Thị Bạch Cát			C						344.3	810.0	2	6								
216	C/cur Ta Vinh	219	C/cur Ta Vinh			C						1,787.7	6,309.60	3	20								
217	Nhà tập thể 26 Hàng Bàng P16	220	Nhà tập thể 26 Hàng Bàng P16			B						931.2	2,191.0	2	2								
218	Nhà tập thể 394 Hàng Bàng P16	221	Nhà tập thể 394 Hàng Bàng P16			B						609.5	1,434.0	2	4								
219	Nhà tập thể 396 Hàng Bàng P16	222	Nhà tập thể 396 Hàng Bàng P16			C						690.2	1,624.0	2	4								
220	Nhà tập thể 128/27 Đường 3 Tháng 2 P16	223	Nhà tập thể 128/27 Đường 3 Tháng 2 P16			B						1,283.5	4,530.0	3	3								
221	Nhà tập thể 70 Phan Xích Long P16	224	Nhà tập thể 70 Phan Xích Long P16			C						1,874.3	4,410.0	2	2								
222	Nhà tập thể 2/2 Lò Sấu P16	225	Nhà tập thể 2/2 Lò Sấu P16			B						902.5	2,123.60	2	11								
<b>QUẬN PHÚ NHUẬN</b>												<b>18.16</b>											
223	CX Ngân hàng <sup>3</sup> , Thích Quảng Đức P3	226	CX Ngân hàng <sup>3</sup> , Thích Quảng Đức P3			B						527.0	1,088.42		12								
224	CX Phú Nhuận 776, Nguyễn Kiệm P4	227	CX Phú Nhuận 776, Nguyễn Kiệm P4			B						940.5	5,186.02		92								
225	C/cur 59 Phan Đăng Lưu	228	C/cur 59 Phan Đăng Lưu, P7			B						320.3	965.65		17								
226	C/cur Thành Đạt	229	C/cur Thành Đạt, P7			B						609.6	2,005.03		58								
227	C/cur 109 Hoàng Văn Thụ	230	C/cur 109 Hoàng Văn Thụ, P9			B						854.7	1,365.92		24								
228	C/cur 227 Hoàng Văn Thụ	231	C/cur 227 Hoàng Văn Thụ, P9			B						311.9	515.64		18								
229	C/cur 182/28/5 Lê Văn Sỹ	232	C/cur 182/28/5 Lê Văn Sỹ, P10			B						1,167.5	1,465.14		29								
230	C/cur 14 Hồ Biểu Chánh	233	C/cur 14 Hồ Biểu Chánh, P11			B						1,125.2	4,500.04		42								
231	C/cur 8 Hồ Biểu Chánh	234	C/cur 8 Hồ Biểu Chánh, P11			B						84.0	336.04		10								
232	C/cur 66 Hồ Biểu Chánh	235	C/cur 66 Hồ Biểu Chánh, P11			B						211.7	507.23		5								
233	C/cur 49/1 Hồ Biểu Chánh	236	C/cur 49/1 Hồ Biểu Chánh, P12			B						571.3	1,465.44		23								
												<b>11,618.5</b>	<b>30,043.8</b>		<b>501</b>								

Stt cụm	Nhóm chung cư	Stt lô	Tên lô chung cư, địa chỉ	Đơn vị quản lý	Tỷ lệ chất lượng còn lại	Cấp độ nguy hiểm	Phá dỡ/ thời gian	Tổ chức cải tạo, XĐ/ thời gian	Vị trí XD mới (trường hợp không XĐ lại tại vị trí cũ)	Hình thức lựa chọn chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Quy mô trước khi cải tạo				Nhà thuộc SHNN (căn)	
												Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Tổng số căn hộ		
234	C/cư 231/5A Lê Văn Sỹ	237	C/cư 231/5A Lê Văn Sỹ, P14			B						442,8	278,72	2	11		
235	C/cư 231/5B-C Lê Văn Sỹ	238	C/cư 231/5B-C Lê Văn Sỹ, P14			C						269,8	809,73	3	17		
236	C/cư 191 Lê Văn Sỹ	239	C/cư 191 Lê Văn Sỹ, P14			B						289,1	1.156,44	4	20		
237	C/cư 38/9 Nguyễn Văn Trỗi	240	C/cư 38/9 Nguyễn Văn Trỗi, P15			B						520,0	832,02	2	26		
238	C/cư 168-192 Trần Huy Liệu	241	C/cư 168-192 Trần Huy Liệu, P15			B						2.020,4	4.082,92	2	48		
239	C/cư 72/4 Huỳnh Văn Bánh	242	C/cư 72/4 Huỳnh Văn Bánh, P15			C						583,3	1.176,04	4	24		
240	Cư xã Nguyễn Văn Trỗi	243	Cư xã Nguyễn Văn Trỗi, P17			B						769,33	2.308,03	3	25		
<b>QUẬN TÂN BÌNH</b>													<b>1.082,6</b>	<b>4.446,5</b>	<b>4</b>	<b>75</b>	
241	C/cư 32 Bùi Thị Xuân	244	C/cư 32 Bùi Thị Xuân, P2			B						272,22	957,82	4	14		
242	C/cư 133/7 Phú Hòa	245	C/cư 133/7 Phú Hòa, P8			B						200,40	925,68	5	21		
243	C/cư 56/7 Thủ Khoa Huân	246	C/cư 56/7 Thủ Khoa Huân, P8			B						191,86	944,22	5	12		
244	C/cư 208-210 Lý Thường Kiệt	247	C/cư 208-210 Lý Thường Kiệt, P8			B						192,17	862,15	4	16		
245	C/cư 59-60 Tân Xuân	248	C/cư 59-60 Tân Xuân, P8			B						225,93	756,62	3	12		
<b>QUẬN GÒ VẤP</b>													<b>770,0</b>	<b>2.310,0</b>		<b>83</b>	
246	C/cư Bệnh viện 175	251	C/cư Bệnh viện 175	Bệnh viện 175		B						770,0	2.310,0	3	83		